

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 8 - 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Hiền;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2024/TLST – HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị G, sinh năm 1983; nơi thường trú: tổ D, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: tổ A, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: anh Tống Quang H, sinh năm 1975; nơi thường trú: tổ D, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị G đều trình bày: chị và anh Tống Quang H kết hôn vào năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng, sau khi kết hôn về sống cùng gia đình nhà chồng tại phường C, thành phố C cho đến năm 2020 thì vợ chồng chị mua được nhà riêng và chuyển đến ở tại tổ D, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng chị hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cãi nhau vì thương con nên chị vẫn bỏ qua, tha thứ cho anh H. Cũng từ sau đó anh H thay đổi tính cách, thường xuyên uống rượu đến mức say xỉn không kìm chế được bản thân nên đã chửi mắng, xúc phạm chị khiến không khí gia đình lúc

nào cũng căng thẳng, nặng nề, có lúc không kìm chế được bản thân anh H còn đánh chị. Mâu thuẫn kéo dài cho đến tháng 10/2023 anh H không thay đổi, vẫn tiếp tục uống rượu rồi về chửi mắng, xúc phạm chị và hai con, ảnh hưởng đến cả việc học tập của các con nên chị đã quyết định sống ly thân với anh H. Chị mang hai con đi thuê nhà để ở, khi sống ly thân anh chị không tìm biện pháp gì để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn. Gia đình hai bên cũng hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không đạt kết quả, chị không muốn tiếp tục chung sống với anh H, tình cảm của chị dành cho anh H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: chị và anh Tống Quang H có 02 con chung là Tống Quang H1, sinh ngày 31/8/2008 (bị khiếm thính, có xác nhận người khuyết tật, được trợ cấp của Nhà nước) và Tống Thu T, sinh ngày 18/10/2014. Khi ly hôn với anh H chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung vì con lớn là người khuyết tật, con thứ hai là con gái cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và anh nên cả hai con chung đều cần sự quan tâm, chăm sóc của chị. Bản thân anh H thường xuyên say xỉn cũng không thể chăm sóc, nuôi dạy con tốt được. Được nuôi cả hai con chung chị yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung Tống Thu Thủy 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi tòa tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay chị làm lao động tự do thu nhập bình quân cũng được khoảng 8 triệu đồng/tháng cùng với sự cấp dưỡng cho con của anh H chị cũng đủ để nuôi dưỡng cả hai con chung phát triển tốt.

+ Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án chia; công nợ chung không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh Tống Quang H không đến để tham gia tố tụng nên không có quan điểm gì về việc ly hôn, nuôi con, tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị G, chị G được ly hôn với anh H. Chị G được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Tống Thu T mức từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng đến khi con chung Tống Thu T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị G yêu cầu xin ly hôn với anh Tống Quang H hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Tổng Quang H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tổng đạt hợp lệ cho anh H nhưng anh H cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị G và anh Tổng Quang H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2007, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình nhà nội tại phường C, thành phố C đến năm 2020 sau khi mua được nhà riêng thì chị G và anh H chuyển đến ở tại tổ D, khu T, phường C, thành phố C cho đến khi ly thân mỗi người một nơi vào tháng 10/2023. Cuộc sống chung của anh chị theo chị G trình bày thì từ năm 2016 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị G phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng vì thương con nên chị G cũng tha thứ cho anh H để cuộc sống gia đình trở về bình thường nhưng từ sau đó thì anh H thay đổi tính cách, thường xuyên uống rượu đến say xỉn, mất kiểm soát nên thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị làm ảnh hưởng đến cả việc học tập của các con và sinh hoạt trong gia đình, tình trạng này kéo dài nên chị quyết định sống ly thân với anh H và không tìm biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải nhưng anh H cũng không thay đổi. Bản thân anh H khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh H cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị G xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị G và anh H cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G với anh H đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

* Về con chung: chị Lê Thị G và anh Tổng Quang H có 02 con chung là Tổng Quang H1, sinh ngày 31/8/2008 và Tổng Thu T, sinh ngày 18/10/2014, con trai lớn của anh chị bị khiếm thính, có xác nhận người khuyết tật, được trợ cấp của Nhà nước, con gái thứ hai của anh chị trên 7 tuổi, là con gái có nguyện vọng được chị G nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, chị G cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung Tổng Thu T cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cũng cho biết *“từ khi sống ly thân chị G vẫn trực tiếp nuôi các con chung nên Tòa án không nên thay đổi cuộc sống ổn định của các cháu.... Cháu H1 bị khuyết tật còn cháu T là con gái nên đều cần sự chăm sóc của mẹ còn anh H có thể cấp dưỡng để chị G có thể đảm bảo hơn cho việc chăm sóc cả hai con chung...”*. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy

yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị G là chính đáng, con trai lớn của anh chị cần có sự chăm sóc của người mẹ cho đến khi con có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình còn con thứ hai của anh chị là con gái cũng cần có sự chăm sóc, nuôi dạy của người mẹ, chị G có sức khỏe và cũng có thu nhập ổn định nên có thể đảm bảo cho cả hai con chung phát triển tốt. Tuy nhiên, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển ổn định, lâu dài cho cả hai con chung của anh chị, căn cứ vào xác nhận mức thu nhập nơi làm việc của anh H là Công ty T3, tổng thu nhập của anh H từ tháng 1 – tháng 7/2024 là 103.885.872 đồng, đây là mức thu nhập ổn định, mặc dù anh H không có quan điểm về việc cấp dưỡng cho con nhưng với mức thu nhập này Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung theo yêu cầu của chị G là phù hợp.

Từ sự phân tích và đánh giá như trên, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả hai con chung cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trai Tổng Quang H có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình và cho đến khi con gái Tổng Thu T đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho con chung của anh chị. Buộc anh Tổng Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Tổng Thu T với mức 4.000.000đồng/tháng (bốn triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: chị Lê Thị G và anh Tổng Quang H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị Lê Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Tổng Quang H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị G với anh Tổng Quang H.
2. Về con chung: giao cả hai con chung Tổng Quang H1, sinh ngày 31/8/2008 và Tổng Thu T, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Lê Thị G có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi: con chung Tổng Quang H1 có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình; con chung Tổng Thu T đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tổng Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Tổng Thu T với mức cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng (bốn

triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp ngày 27/5/2024 theo biên lai số: 0002306 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Anh Tổng Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quynh

